

Số: 11/2022/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn

Giá dịch vụ xét nghiệm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 nhanh theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Mức thanh toán tối đa không quá 78.000 đồng/xét nghiệm.

2. Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng máy miễn dịch tự động hoặc bán tự động mẫu đơn

Giá dịch vụ xét nghiệm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 miễn dịch theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Mức thanh toán tối đa không quá 178.900 đồng/xét nghiệm.

3. Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR

a) Trường hợp mẫu đơn: Giá dịch vụ xét nghiệm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 cho phản ứng theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Mức thanh toán tối đa không quá 501.800 đồng/xét nghiệm.

b) Trường hợp gộp mẫu: Giá dịch vụ xét nghiệm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 Mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 cho phản ứng theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong đó sinh phẩm xét nghiệm cho phản ứng được chia đều theo số mẫu gộp. Mức thanh toán tối đa không vượt quá mức giá xét nghiệm gộp mẫu quy định tại cột 2 Mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trong trường hợp Trung ương ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay đổi mức giá trần dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thì thực hiện theo mức giá do Trung ương quy định.

Điều 2. Nội dung bãi bỏ

Bãi bỏ Nghị quyết số 122/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 30 tháng 3 năm 20221 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng



1

Phụ lục**MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND
ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đvt: đồng

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn | 11.200 | 78.000 |
| II | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động mẫu đơn | 30.800 | 178.900 |
| III | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn gồm: | 212.700 | |
| 1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 45.400 | |
| 2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 167.300 | |
| 3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | 501.800 |
| IV | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp | | |
| 1 | Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu) | 78.800 | |
| 1.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 24.100 | |
| 1.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 54.700 | |
| 1.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 1.3.1 | Trường hợp gộp 2 que | | 223.300 |
| 1.3.2 | Trường hợp gộp 3 que | | 175.100 |
| 1.3.3 | Trường hợp gộp 4 que | | 151.000 |
| 1.3.4 | Trường hợp gộp 5 que | | 136.600 |

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 2 | Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu) | 62.500 | |
| 2.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 23.300 | |
| 2.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 39.200 | |
| 2.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 2.3.1 | Trường hợp gộp 6 que | | 110.600 |
| 2.3.2 | Trường hợp gộp 7 que | | 103.800 |
| 2.3.3 | Trường hợp gộp 8 que | | 98.600 |
| 2.3.4 | Trường hợp gộp 9 que | | 94.600 |
| 2.3.5 | Trường hợp gộp 10 que | | 91.400 |
| 3 | Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm | 112.500 | |
| 3.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 48.400 | |
| 3.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 64.100 | |
| 3.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 3.3.1 | Trường hợp gộp 2 mẫu | | 257.000 |
| 3.3.2 | Trường hợp gộp 3 mẫu | | 208.800 |
| 3.3.3 | Trường hợp gộp 4 mẫu | | 184.700 |
| 3.3.4 | Trường hợp gộp 5 mẫu | | 170.300 |
| 4 | Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm | 97.200 | |
| 4.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm | 49.200 | |
| 4.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả | 48.000 | |

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 4.3 | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng | | |
| 4.3.1 | Trường hợp gộp 6 mẫu | | 145.300 |
| 4.3.2 | Trường hợp gộp 7 mẫu | | 138.500 |
| 4.3.3 | Trường hợp gộp 8 mẫu | | 133.300 |
| 4.3.4 | Trường hợp gộp 9 mẫu | | 129.300 |
| 4.3.5 | Trường hợp gộp 10 mẫu | | 126.100 |

12/5